

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Báo cáo ngày

### Xu hướng thị trường:

#### Ngân hàng "gánh team"

Trong phiên giao dịch ngày thứ Năm, Vn-Index có xu hướng tăng điểm trong bối cảnh các cổ phiếu Ngân hàng trở thành động lực chính. Lực mua tập trung vào nhóm Ngân hàng ở đầu phiên chiều đã tạo sự lạc quan nhất định cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, khối ngoại có xu hướng bán ròng, tiếp tục gây áp lực lên một số mã lớn như MSN, VHM dù không tác động quá lớn đến toàn thị trường. Nhìn chung tâm lý nhà đầu tư trên thị trường vẫn đang kỳ vọng đan xen với sự thận trọng hơn bao giờ hết.

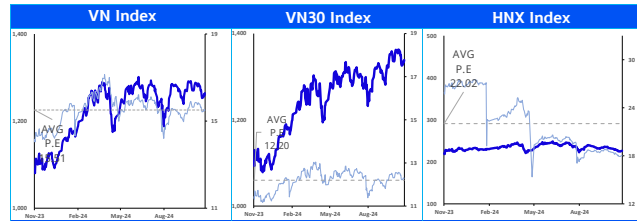
Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 5.85 điểm (+0.46%), đạt 1,264.48 điểm; HNX-Index tăng 0.48 điểm (+0.21%), đạt 226.36 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 18.1 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 614.3 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng 1665.66 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở MSN, VHM và STB.

VCB (+2.07%), CTG (+2.73%), VIC (+1.34%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. MSN (-1.92%), HDB (-1.10%), VRE (-1.92%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

Dịch vụ chuyên biệt và thương mại, Vận tải, Hàng tiêu dùng là các nhóm đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu: VEF, ACV, GEE.

Góc nhìn kỹ thuật: Chỉ số vẫn tiếp tục vận động trên nền MA200 với xu hướng tích lũy quanh khu vực này. Với kịch bản cơ bản, chỉ số sẽ kiểm định ngưỡng kháng cự tại quanh 1270, nếu chinh phục thành công, chỉ số sẽ hướng tới 1,280. Với kịch bản tiêu cực, nếu lực cầu tiếp tục còn yếu, chỉ số nhiều khả năng sẽ quay về kiểm định vùng 1,250 để thu hút dòng tiền mới.

Chiến lược: Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái nắm giữ khi thị trường vẫn trong trạng thái đi ngang. Khuyến nghị mua cần chờ đợi thị trường tiến về vùng 1,270 và có hướng bật tăng trở lại hoặc đợi vượt hẳn 1,300.



Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Index	Giá	%1D	%1M	%1Yr.	PER	PBR	Vốn hóa
VN-Index	1,264	0.5	-1.8	23.0	15.5	1.7	5,183,253
VN30 Index	1,339	0.4	-1.0	28.8	12.3	1.7	3,631,493
VN Midcap	1,889	0.2	-2.8	30.8	17.8	1.5	1,005,167
VN Smallcap	1,406	0.1	-1.4	19.2	17.5	1.0	257,270
HNX Index	226	0.2	-3.6	9.8	18.0	1.2	295,426
UpCom	92	-0.1	-1.3	14.1	13.4	1.8	1,488,795

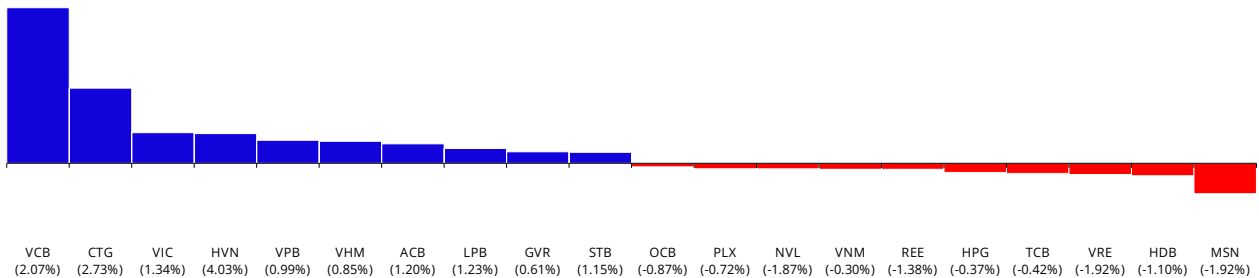
### Nhóm ngành

Nhóm ngành	%1D	%1M	%YTD	%1 YR.	PER	PBR	Vốn hóa
Bán lẻ	0.8	-2.4	47.5	1.7	269.1	4.2	137,246
Bảo hiểm	0.0	-1.0	7.9	10.3	14.3	1.4	43,985
Bất động sản	0.4	-4.0	-5.3	7.4	13.8	1.2	699,787
CNTT	-0.1	0.7	58.4	83.9	31.5	6.2	217,481
Dầu khí	-0.5	-7.4	42.7	24.0	23.5	2.6	66,480
Dịch vụ tài chính	0.8	-6.0	8.6	44.5	22.1	1.8	196,831
Tiền ích	-0.2	-3.1	-2.1	-0.2	15.2	1.9	293,530
Du lịch và Giải trí	2.3	3.3	23.0	38.1	n.a	31.6	118,889
Hàng & DV CN	-0.2	-0.7	9.8	25.7	15.2	1.8	143,474
Hàng CN & Gia dụng	-0.2	-3.0	13.7	27.3	15.8	1.9	59,377
Hóa chất	0.5	-6.2	34.6	62.9	28.3	2.2	239,642
Ngân hàng	1.0	-0.8	20.4	25.7	10.4	1.7	2,117,253
Ô tô và phụ tùng	-0.2	-6.1	0.3	10.8	17.7	1.2	14,662
Tài nguyên Cơ bản	-0.4	-0.3	2.8	24.1	34.7	1.5	220,686
Thẩm mỹ & Đồ uống	-0.6	-2.9	1.5	11.2	25.3	2.7	438,501
Truyền thông	-1.7	12.1	-13.0	-7.9	29.2	1.0	1,862
Xây dựng và Vật liệu	-0.2	-1.9	-2.3	21.2	25.2	1.4	122,771
Y tế	-0.4	-2.2	12.1	14.7	15.3	2.1	38,834

### Tiền tệ và hàng hóa

	Tỷ giá	%1D	%1W	%1M	%3M	%YTD	%1Yr.
Dollar index	104	0.0	0.0	3.2	-0.1	2.7	-2.5
USD/JPY	152	-0.6	0.4	6.1	1.7	8.1	0.5
USD/CNY	7	0.0	0.0	1.4	-1.5	0.3	-2.7
KRW/USD	1,378	-0.1	-0.2	4.8	0.5	7.0	2.1
EUR/USD	1	0.0	-0.3	2.6	-0.3	1.7	-2.6
USD/VND	25,289	0.0	-0.4	2.9	0.1	4.2	2.9
Dầu thô	69	0.3	-2.0	0.9	-11.7	-4.0	-15.1
Xăng	237	18.8	16.9	20.8	-4.5	12.8	6.7
Khí đốt	3	-1.3	11.3	-3.9	37.9	11.7	-21.5
Than	145	-0.2	-0.2	-0.1	4.1	-1.0	10.7
Vàng	2,779	-0.3	1.6	5.5	13.5	34.7	40.1
Thép cuộn	3,580	-0.1	3.1	-2.6	3.7	-12.2	-7.1

### Đóng góp vào VN Index



[Analyst ]  
Phuc Nguyen  
☎ (84-28) 6299 - 8025  
✉ phuc.nh@shinhan.com

[Analyst ]  
Nien Nguyen

[Analyst ]  
Huong Le

Theo dõi Zalo của SSV  
để cập nhật báo cáo mới nhất



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

- 1. CEO - Tài chính:** CEO vừa công bố kết quả kinh doanh hợp nhất Q3 2024 với tổng doanh thu Quý đạt 260.4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 48.8 tỷ đồng, gấp 3.5 lần so với Q2 2024 và 1.7 lần so với cùng kỳ năm trước.
- 2. HHV - Công nghiệp:** Đóng góp tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động thu phí BOT với 63% tổng doanh thu và hoạt động thi công xây lắp đóng góp 34%. Hai mảng hoạt động này đều ghi nhận tăng trưởng so với cùng kỳ.
- 3. TVC - Tài chính:** TVC vừa công bố BCTC hợp nhất quý 3/2024. Theo đó, doanh nghiệp này ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt hơn 125 tỷ đồng, tăng hơn 7 lần so với cùng kỳ năm 2023 (17.3 tỷ đồng).
- 4. Zalo - Dịch vụ:** Nền tảng thanh toán trực tuyến hàng đầu Zalopay và Ngân hàng CIMB Việt Nam vừa hợp tác ra mắt sản phẩm Trả góp ngay trên ứng dụng Zalopay với hạn mức lên đến 30 triệu đồng.
- 5. BHN - Hàng Tiêu dùng:** Habeco báo lãi quý III tăng 30%, lãi 9 tháng giảm nhẹ 1% do quý I ghi nhận khoản lỗ gần 30 tỷ đồng. Dầu vậ, hàng bia này vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm sớm 1 quý.
- 6. BVH - Tài chính:** Trong quý 3/2024, Bảo Việt ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 561 tỷ đồng, tăng gần 22% so với quý 3/2023, nâng lợi nhuận lũy kế đạt được trong 9 tháng đầu năm vượt ngưỡng 1600 tỷ đồng.
- 7. DGW - Dịch vụ:** 9 tháng đầu năm, Digiworld ghi nhận doanh thu thuần đạt 16219 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 302 tỷ đồng, lần lượt tăng 16% và 11% so với cùng kỳ 2023.
- 8. CTG - Ngân hàng:** Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, VietinBank lãi trước thuế hợp nhất gần 19512 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ và lãi trước thuế riêng lẻ đạt 18719 tỷ đồng, tăng 11%.
- 9. FRT - Bán lẻ:** FRT vừa công bố BCTC hợp nhất quý 3/2024 với khoản lãi ròng 141 tỷ đồng, chủ yếu nhờ tình hình khả quan của chuỗi nhà thuốc Long Châu. Cùng kỳ năm trước, Công ty thua lỗ 21 tỷ đồng.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

### Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - POW

**POW - Tiềm ích công cộng:** Trước xu thế và nhu cầu đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng sạch, PV Power đã phối hợp với đối tác EN Technologies (Hàn Quốc) để nghiên cứu và phát triển hệ thống trạm sạc tại Việt Nam.



# Xu hướng dòng tiền

Luận chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)						
STT	Nhóm ngành	% Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần	10/30/2024	10/31/2024	TB 1 tuần	Xu hướng 20 phiên
1	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	36.7	91	153	112	
2	Truyền thông	35.2	22	31	23	
3	Du lịch và Giải trí	26.9	164	205	162	
4	Thực phẩm và đồ uống	21.0	1,113	1,326	1,096	
5	Bảo hiểm	20.2	16	17	14	
6	Ngân hàng	12.5	2,801	3,305	2,938	
7	Tài nguyên Cơ bản	8.2	497	589	544	
8	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.1	113	143	139	
9	Ô tô và phụ tùng	-1.5	46	45	46	
10	Dịch vụ tài chính	-5.4	1,026	1,011	1,068	
11	Xây dựng và Vật liệu	-6.6	559	413	442	
12	Bán lẻ	-10.2	674	498	554	
13	Y tế	-13.6	46	41	47	
14	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-14.1	520	451	525	
15	Dầu khí	-15.2	108	73	86	
16	Bất động sản	-16.3	2,657	2,081	2,487	
17	Công nghệ Thông tin	-25.3	281	206	276	

Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần									
Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Thống kê giao dịch		Xu hướng
				%1D	%1W	%YTD	% Thay đổi GTGD	GTGD (VND tỷ)	
VCB	Vietcombank	Ngân hàng	93,600	2.1	2.1	16.6	213	270.8	
VNM	VINAMILK	Thực phẩm và đồ uống	66,100	-0.3	-3.4	-2.2	92	340.2	
CTG	VietinBank	Ngân hàng	35,700	2.7	2.4	31.7	114	297.5	
MSN	Tập đoàn Masan	Thực phẩm và đồ uống	76,600	-1.9	-2.4	14.3	23	654.4	
TPB	TPBank	Ngân hàng	17,300	0.3	1.5	19.3	38	344.9	
HVN	Vietnam Airlines	Du lịch và Giải trí	23,250	4.0	13.4	89.8	244	93.4	
HDB	HDBank	Ngân hàng	26,900	-1.1	0.0	32.5	30	225.0	
HPG	Hòa Phát	Tài nguyên Cơ bản	26,900	-0.4	1.7	5.9	12	358.9	
PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	28,100	2.2	2.7	17.1	102	63.0	
KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	33,500	0.0	-0.4	17.4	37	107.3	
BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	22,950	0.7	1.5	32.0	41	97.2	
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	17,850	-1.9	-1.7	-23.4	28	124.4	
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11,950	-0.8	-1.2	6.2	60	68.0	
SHB	SHB	Ngân hàng	10,600	1.0	0.5	-1.9	22	133.9	
STB	Sacombank	Ngân hàng	35,200	1.1	5.4	25.9	4	626.8	

Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần									
Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	Giá đóng cửa	% thay đổi			Thống kê giao dịch		Xu hướng
				%1D	%1W	%YTD	% Thay đổi KLGĐ	Khối lượng giao dịch	
HVN	Vietnam Airlines	Du lịch và Giải trí	23,250.0	4.0	13.4	89.8	11.4	23.25	
MSH	Mây Sóng Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	48,000.0	1.3	6.4	32.2	5.2	48.00	
VCB	Vietcombank	Ngân hàng	93,600.0	2.1	2.1	16.6	2.0	93.60	
CKG	Xây dựng Kiên Giang	Bất động sản	26,600.0	6.4	5.1	21.7	7.0	26.60	
TCO	TCO Holdings	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17,250.0	6.8	7.1	91.9	8.0	17.25	
DC4	Xây dựng DIC Holdings	Xây dựng và Vật liệu	11,800.0	1.7	10.3	24.8	8.9	11.80	
TLD	ĐT XD và PT Đô thị Thăng Long	Bất động sản	5,940.0	3.8	6.1	5.1	5.5	5.94	
FIT	Tập đoàn F.I.T	Dịch vụ tài chính	4,400.0	0.0	2.8	-2.0	2.1	4.40	
FIR	Địa ốc First Real	Bất động sản	5,640.0	-0.7	-4.1	-71.1	-2.9	5.64	
GEG	Điện Gia Lai	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11,300.0	-1.7	-1.7	-7.7	-1.7	11.30	

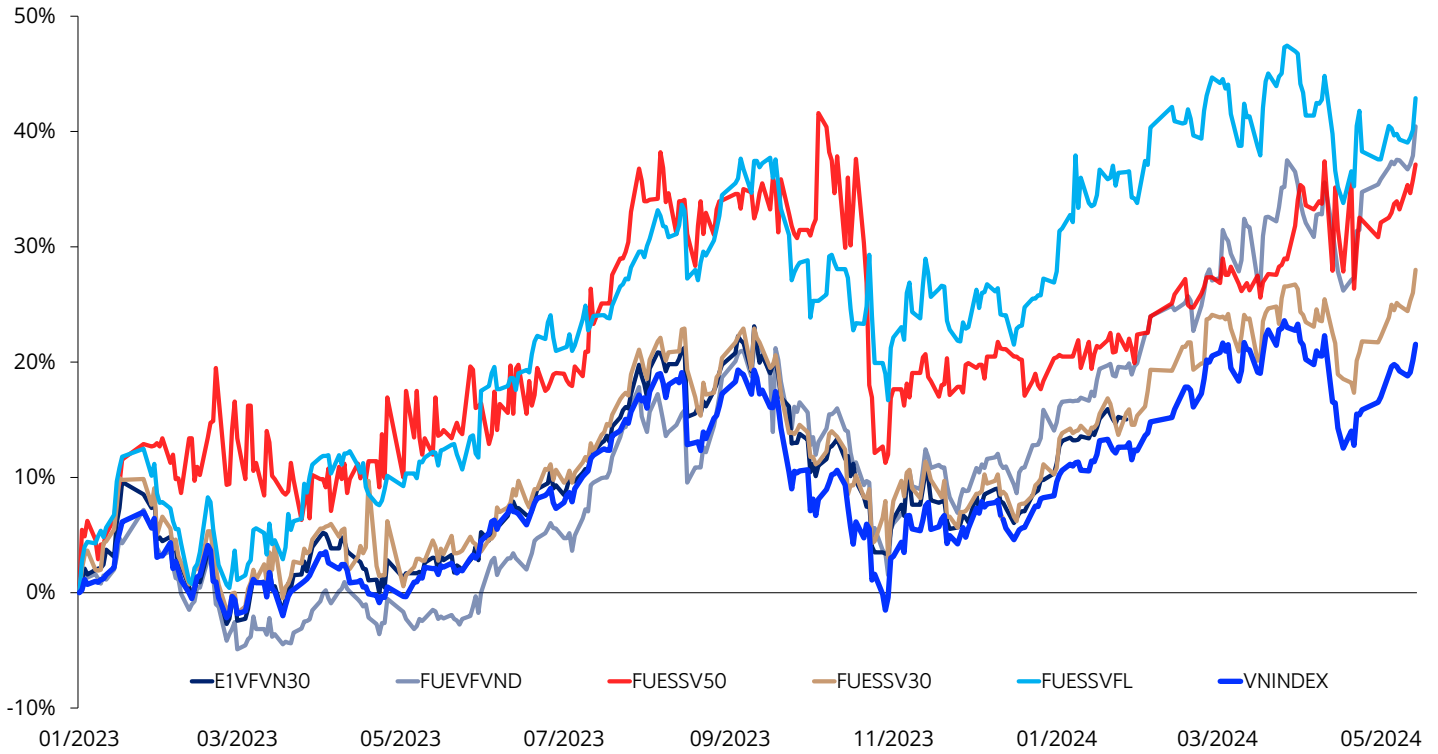
Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)				Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)			
Top bán ròng		Top mua ròng		Ngày	Mua	Bán	Mua-Bán ròng
(1,334.00)	MSN	VPB	87.74	10/31/2024	5,957.3	7,624.0	-1,666.7
(204.94)	VHM	CTG	43.78	10/30/2024	1,538.1	1,688.1	-150.0
21	STB	VIX	24.66	10/29/2024	1,702.1	6,827.7	-5,125.6
11	HDB	HVN	23.35	10/28/2024	962.5	1,419.6	-457.1
9	MWG	SHB	21.62	10/25/2024	1,043.0	1,455.5	-412.5
8	BID	DGC	19.69	10/24/2024	1,369.6	1,605.0	-235.4
7	VRE	VND	11.67	10/23/2024	1,142.3	1,132.4	9.9
6	HPG	VNM	11.63	10/22/2024	1,407.1	1,545.5	-138.4
5	VCB	FRT	11.29	10/21/2024	1,226.1	1,495.8	-269.7
4	VCI	VIC	10.38	10/18/2024	904.9	1,062.5	-157.6
				10/17/2024	1,381.4	1,785.6	-404.3
				10/16/2024	1,172.2	1,502.6	-330.4
				10/15/2024	1,151.2	1,726.4	-575.2
				10/14/2024	1,045.1	1,660.3	-615.3
				10/11/2024	1,539.8	1,847.1	-307.3
				10/10/2024	2,157.2	1,654.2	503.0

# Chứng chỉ quỹ ETF

Thông kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Mã chứng chỉ quỹ	Giá (VND)	%1D	%1M	YTD	KLGD	GTGD (tỷ đồng)	Thanh khoản 20 phiên
1	DCVFMVN30 ETF Fund	E1VFN30	23,430	0.3%	-0.9%	20.6%	117,400	2.7	
2	SSIAM VNX50 ETF	FUESSV50	19,980	-1.6%	-1.1%	19.6%	8,200	0.2	
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	FUESSVFL	21,890	0.8%	-0.6%	18.6%	216,300	4.7	
4	DCVFMVN Diamond ETF	FUEVFN30	33,300	0.4%	-2.1%	25.9%	34,600	1.1	
5	VinaCapital VN100 ETF	FUEVN100	17,900	0.7%	-1.1%	16.8%	40,900	0.7	
6	SSIAM VN30 ETF	FUESSV30	16,700	0.8%	-1.1%	19.5%	6,800	0.1	
7	MAFN VN30 ETF	FUEMAV30	16,140	0.6%	-0.6%	19.6%	96,200	1.5	
8	IPAAM VN100 ETF	FUEIP100	8,500	0.0%	-6.9%	1.0%	1,300	0.0	
9	KIM Growth VN30 ETF	FUEKIV30	8,990	0.8%	-0.3%	19.9%	17,900	0.2	
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	FUEDCMID	11,890	0.9%	-2.1%	9.1%	5,000	0.1	
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	FUEKIVFS	12,910	0.1%	-1.2%	21.8%	100	0.0	
12	MAFM VNDIAMOND ETF	FUEMAVND	13,990	0.0%	-1.3%	28.0%	2,100	0.0	
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FUEFCV50	12,250	2.5%	-1.0%	-4.5%	4,600	0.1	
14	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	FUEKIVND	12,740	n.a	-0.8%	n.a	100	0.0	
15	Bao Viet Fund VN Diamond	FUEBFVND	n.a	n.a	n.a	n.a	0	n.a	
16	An Binh Fund VN Diamond	FUEABVND	10,100	0.0%	6.3%	n.a	100	0.0	

Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX



Thông kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Công ty quản lý	Ngày thành lập	Mô phỏng chỉ số	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng 1M (triệu USD)	Dòng vốn ròng 3M (triệu USD)	Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%)	Độ lệch chuẩn 1Y (%)	Beta	Lợi suất cổ tức (%)	PB (x)	PE (x)	Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%)
1	DCVFMVN30 ETF Fund	DCVFM	8/14/2014	VN30	281.8	(5,507)	(557,774)	28.0	15.1	1.0	1.98	1.7	11.4	63.9
2	SSIAM VNX50 ETF	SSIAM	12/15/2014	VNX50IX	5.0	-	-	27.3	26.8	0.9	1.81	1.6	12.2	52.3
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	SSIAM	2/24/2020	VNFL	18.3	(141,122)	(225,223)	26.9	19.9	1.0	2.40	1.3	8.5	81.2
4	DCVFMVN Diamond ETF	DCVFM	5/12/2020	VND	500.7	345,041	411,627	41.1	18.9	1.0	2.12	1.9	11.9	81.1
5	VinaCapital VN100 ETF	Vinacapital	6/16/2020	VN100	0.013	-	-	28.0	15.7	0.9	1.72	1.7	13.0	45.9
6	SSIAM VN30 ETF	SSIAM	7/27/2020	VN30	6.8	-	16,306	23.1	17.8	1.0	1.95	1.6	10.8	64.1
7	MAFN VN30 ETF	MAFM	12/8/2020	VN30	n.a	-	(1,599)	31.2	16.6	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
8	IPAAM VN100 ETF	I.P.A	7/28/2021	VN100	1.9	-	-	13.0	39.2	0.9	1.81	1.6	13.0	47.8
9	KIM Growth VN30 ETF	KIM	1/6/2022	VN30TR	68.4	81,620	248,009	31.2	19.8	0.9	1.95	1.6	11.0	64.4
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	DCVFM	9/29/2022	VNMidcap	14.2	-	48,987	20.2	24.3	0.9	1.35	1.6	18.8	44.7
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	KIM	11/3/2022	VNFS	12.4	-	-	33.2	19.5	1.0	2.22	1.4	8.6	71.3
12	MAFM VNDIAMOND ETF	MAFM	3/2/2023	VND	n.a	1,373	1,373	43.9	18.9	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FPTF	5/25/2023	VNX50	n.a	-	-	-7.9	41.7	0.2	n.a	n.a	n.a	n.a
14	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	KIMF	4/24/2024	VNX50	4.2	n.a	n.a	n.a	n.a	1.1	2.28	1.8	11.5	82.8
15	Bao Viet Fund VN Diamond	BVF	8/11/2023	VN30	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a
16	An Binh Fund VN Diamond	ABF	8/16/2024	VN30	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	0.2	n.a	n.a	n.a	n.a

Nguồn: Bloomberg

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongsongpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem  
Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,  
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.